

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

Số: 7429 /KH-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KẾ HOẠCH

Nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) tỉnh Khánh Hòa năm 2025

Căn cứ kết quả triển khai bộ chỉ số đổi mới sáng tạo (ĐMST) cấp địa phương của tỉnh Khánh Hòa năm 2023, 2024; xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Công văn số 1249/SKH-CN-QLKH-CN&ĐMST ngày 26/5/2025, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch nâng cao chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) tỉnh Khánh Hòa năm 2025 (gọi tắt là Kế hoạch) như sau:

I. CĂN CỨ

- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2025;

- Quyết định số 989/QĐ-BKH-CN ngày 27/5/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về phê duyệt Khung Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương năm 2025;

- Công văn số 1038/BKH-CN-ĐP ngày 28/3/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc bố trí kinh phí triển khai Chỉ số đổi mới sáng tạo (PII) cấp địa phương hằng năm;

- Công văn số 78/BKH-CN-UDCN ngày 08/01/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc triển khai Bộ Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII);

- Kết quả công bố Bộ chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp địa phương năm 2023, 2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

II. ĐIỂM SỐ PII TỈNH KHÁNH HÒA NĂM 2024

Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương tỉnh Khánh Hòa (gọi tắt là Chỉ số PII Khánh Hòa) năm 2024 đạt 36,8 điểm (tăng 0,02 điểm so với năm 2023), đứng

vị thứ 25 so với cả nước (tăng 6 bậc so với năm 2023) và đứng thứ 6 trong vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung (tăng 1 bậc so với năm 2023).

Năm 2024 có 3 trụ cột của Khánh Hòa đứng top 10 cả nước là: Vốn con người và Nghiên cứu phát triển (xếp hạng 10, giảm 1 bậc); Cơ sở hạ tầng (xếp hạng 9, tăng 14 bậc) và Trình độ phát triển của thị trường, vị thứ 9 (tăng 8 bậc).

Từ kết quả xếp hạng chỉ số PII của 63 tỉnh, thành cho thấy Chỉ số PII Khánh Hòa so với cả nước và theo vùng kinh tế - xã hội ở mức khá.

III. MỤC ĐÍCH, MỤC TIÊU VÀ YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cải thiện, nâng cao Chỉ số PII Khánh Hòa trong năm 2025 và những năm tiếp theo. Việc triển khai cần được thực hiện một cách đồng bộ, thống nhất giữa các cơ quan, đơn vị liên quan nhằm xây dựng và áp dụng các giải pháp sử dụng bộ chỉ số PII để hoạch định chính sách, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) của địa phương dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST).

- Tăng cường nhận thức và nâng cao trách nhiệm của cấp, các ngành, địa phương về chỉ số PII, về phát triển KH,CN&ĐMST; đồng thời triển khai nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp thiết thực hiệu quả nhằm cải thiện, nâng cao các chỉ số thuộc lĩnh vực ngành, địa phương quản lý.

2. Mục tiêu chung

- Thông qua các nhiệm vụ, giải pháp của kế hoạch nâng cao chỉ số PII sẽ góp phần nâng cao nhận thức, vai trò của KH,CN&ĐMST trong thúc đẩy phát triển KT-XH của tỉnh Khánh Hòa.

- Xây dựng kế hoạch tổng thể nhằm gia tăng sự đóng góp của KH,CN&ĐMST vào sự phát triển KT-XH hiệu quả thông qua quá trình thực thi các giải pháp nâng cao Chỉ số PII của tỉnh Khánh Hòa.

- Ban hành quy chế phối hợp để vận hành hiệu quả quá trình theo dõi, kiểm soát và thực thi kế hoạch nói trên.

- Theo dõi, phân tích Chỉ số PII Khánh Hòa, so sánh với các địa phương có điều kiện tương tự.

- Đánh giá các nguyên nhân dẫn đến Chỉ số PII Khánh Hòa chưa đạt cao như kỳ vọng, cần tập trung vào những nguyên nhân chủ quan.

- Đánh giá tiềm năng đổi mới để nâng cao Chỉ số PII Khánh Hòa thông qua kế hoạch nâng cao các chỉ số thành phần. Ban hành bảng kế hoạch chi tiết để các sở, ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện.

- Phối hợp giữa các sở, ban, ngành, địa phương trong quá trình thu thập và cung cấp dữ liệu đối với các chỉ số do địa phương cung cấp (theo hướng dẫn của Bộ KH&CN) cũng như phối hợp trong quá trình triển khai các nhiệm vụ nhằm nâng cao các chỉ số thành phần này.

3. Mục tiêu cụ thể

Năm 2025, cải thiện, nâng cao điểm số tất cả các trụ cột của bộ Chỉ số PII Khánh Hòa nằm trong nhóm 30 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đứng đầu cả nước (phần đầu xếp hạng Chỉ số PII Khánh Hòa đạt 20/63 tỉnh, thành phố).

4. Yêu cầu

- Việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị và địa phương phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chung của tỉnh về cải thiện nâng cao chỉ số PII.

- Các sở, ban, ngành, đơn vị và địa phương được phân công nhiệm vụ tại kế hoạch này cần chủ động xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết để nâng cao điểm số, thứ bậc đối với các chỉ số thành phần được phân công phụ trách; phải nỗ lực đúng mức để hoàn thành nhiệm vụ, đạt kết quả và chỉ tiêu đề ra, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc triển khai các nhiệm vụ chung.

- Kết quả đạt được trong việc triển khai kế hoạch gắn với kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ hàng năm của người đứng đầu.

- Triển khai nhiệm vụ nhằm nâng cao nhận thức của công chức, viên chức, người làm công tác quản lý và cộng đồng doanh nghiệp về chỉ số PII; về sự tương quan giữa chỉ số PII với vai trò của KH,CN&ĐMST đóng góp vào tăng trưởng, phát triển KT-XH của tỉnh Khánh Hòa.

- Các giải pháp nâng cao chỉ số PII của các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan phải gắn kết cụ thể với từng chỉ số PII và đề ra các mục tiêu nâng cao chỉ số cho từng năm; đồng thời, các giải pháp bám sát mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chung của tỉnh về triển khai Chỉ số PII của tỉnh Khánh Hòa.

- Về nhiệm vụ cung cấp dữ liệu: Các sở ban, ngành, đơn vị, địa phương và các đơn vị liên quan căn cứ theo chức năng nhiệm vụ được giao thực hiện rà soát, tổng hợp dữ liệu và các tài liệu minh chứng theo hướng dẫn, gửi về Sở KH&CN để tổng hợp báo cáo Bộ KH&CN.

- Kết quả công bố về bộ Chỉ số PII Khánh Hòa phải được đánh giá, phân tích các điểm mạnh, điểm yếu hàng năm theo chu kỳ công bố và đưa ra được các giải pháp để cải thiện liên tục các chỉ số PII theo thời gian.

IV. THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP CỤ THỂ CẢI THIỆN CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN PII KHÁNH HÒA

1. Trụ cột 1_ Thể chế

1.1. Thực trạng

- Năm 2024, Trụ cột Thể chế đạt 40,78 điểm (-5,76 điểm), xếp hạng thứ 58 (giảm 20 bậc).

- Hai chỉ số thành phần được đánh giá yếu là 1.1.1. Chính sách thúc đẩy KH,CN&ĐMST phục vụ phát triển KT-XH của địa phương (xếp hạng 60) và 1.1.2. Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự (xếp thứ hạng 58, giảm 31 bậc). Chỉ số có thứ hạng giảm mạnh khác là: Chỉ số 1.1.3. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp (xếp hạng 31, giảm 14 bậc); Chỉ số 1.2.4. Cạnh tranh bình đẳng (xếp hạng 47, giảm 6 bậc).

1.2. Giải pháp

a) Đối với Chỉ số: 1.1.1. Chính sách khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

- Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa: Tham mưu ban hành và triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, quy định nhằm hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa (thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 – 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020);

- Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ: Tham mưu ban hành và triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, thực hiện Luật Chuyển giao công nghệ và các quy định pháp luật liên quan khác;

- Hỗ trợ phát triển thị trường công nghệ: Tham mưu ban hành và triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách nhằm phát triển thị trường khoa học và công nghệ (thực hiện Chương trình phát triển thị trường KH&CN quốc gia đến năm 2030 do Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định 1158/QĐ-TTg ngày 13/7/2021);

- Hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp: Tham mưu ban hành và triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách nhằm phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp (thực hiện Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia đến năm 2025 theo Quyết định 844/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ);

- Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ: Tham mưu ban hành và triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách nhằm hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ (thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24/12/2020, thực hiện Chiến lược sở hữu trí tuệ do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019);

- Chuyển đổi số: Tham mưu ban hành và triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách, chuyển đổi số (thực hiện Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020);

- Phát triển công nghệ cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Tham mưu ban hành và triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách về phát triển công nghệ cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (theo Luật Công nghệ cao);

- Phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề: Tham mưu ban hành và triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách về phát triển công nghiệp hỗ trợ, cụm công nghiệp (triển khai thực hiện các Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ; Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/03/2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp);

- Phát triển sản phẩm nông nghiệp, phát triển nông thôn: Tham mưu ban hành và triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách về phát triển sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh (Chương trình OCOP, tham gia sàn thương mại điện tử, phát triển kinh tế số);

- Phát triển dịch vụ logistics: Tham mưu ban hành và triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách phát triển dịch vụ logistics của Khánh Hòa (thực hiện Quyết định 221/QĐ-TTg ngày 22/02/2021 và Quyết định 200/QĐ-TTg ngày 14/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2025);

- Phát triển và thu hút nhân lực: Tham mưu ban hành và triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách phát triển và thu hút nhân lực của địa phương. Đặc biệt phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn (Theo Quyết định số 1017/QĐ-TTg ngày 21/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ), thu hút nhân lực công nghệ cao (Theo Nghị định số 10/NĐ-CP ngày 01/02/2024 của Chính phủ), phát triển nhân lực về trí tuệ nhân tạo (Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 21/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ).

- Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030.

b) ĐỐI CHI SỐ 1.1.2. THIẾT CHẾ PHÁP LÝ VÀ AN NINH TRẬT TỰ

- Thực hiện cải cách thủ tục hành chính tư pháp tại các cấp tòa án ở địa phương; công khai, minh bạch quy trình, rút ngắn thời gian thụ lý, xét xử các vụ việc tranh chấp kinh tế, vụ kiện kinh tế; đẩy mạnh công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Nâng cao hiệu quả, tỷ lệ và thực thi các vụ án kinh tế đã được giải quyết.

- Kiện toàn Tổ công tác Hành chính - Tư pháp - Văn thư, vận dụng cơ chế một cửa trong xem xét, thụ lý, cấp giấy chứng nhận bào chữa, xét xử.

- Kiểm soát, ngăn ngừa tiêu cực trong xét xử các vụ kiện kinh tế, vụ việc tranh chấp kinh tế.

- Bảo đảm hiệu lực thi hành án kinh doanh, thương mại; thi hành án dân sự có liên quan đến kinh tế.

- Thực hiện nghiêm quy định pháp luật và các công ước quốc tế về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh; gắn với chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả

- Tăng cường đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm kinh tế; ngăn chặn kịp thời hiện tượng, hành vi bảo kê, tranh giành địa bàn, núp bóng kinh doanh, đe dọa hoạt động của doanh nghiệp, nhà đầu tư, cơ sở sản xuất kinh doanh của các băng nhóm hoạt động có tính chất xã hội đen.

- Triển khai có hiệu quả Luật cư trú sửa đổi; quản trị, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu về dân cư, và cấp căn cước công dân có gắn chip điện tử, đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 theo Thông báo Kết luận Hội nghị của Tổ công tác Đề án 06 của tỉnh, Nghị quyết số 30-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Khánh Hòa.

- Đề xuất Bộ Công an và các bộ, ngành liên quan để có các hướng dẫn, giải pháp cụ thể nhằm tháo gỡ các vướng mắc cho các hộ kinh doanh và doanh nghiệp trong việc áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành về phòng cháy chữa cháy (PCCC), đảm bảo các điều kiện an toàn về PCCC theo đúng quy định.

c) Đối với Chỉ số 1.1.3. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp

- Triển khai hoạt động tư vấn và đào tạo khởi nghiệp, các kỹ năng quản trị doanh nghiệp, đào tạo theo nhu cầu doanh nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Hỗ trợ, tư vấn thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp; hướng dẫn hỗ trợ nhà đầu tư trong quá trình tìm hiểu và đầu tư.

- Đẩy mạnh công tác hỗ trợ đào tạo nghề cho các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường hợp tác công - tư trong nghiên cứu khoa học, đặt hàng thực hiện các nhiệm vụ, đề án của Nhà nước; thực hiện dịch vụ công, dịch vụ hành chính công và xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 12259/KH-UBND của UBND tỉnh Khánh Hòa hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2024-2025.

- Triển khai các Đề án Xúc tiến thương mại năm 2025, Kế hoạch khuyến công tỉnh Khánh Hòa năm 2025 được UBND tỉnh phê duyệt.

- Tiếp tục hỗ trợ, giúp các doanh nghiệp đầu tư mở rộng sản xuất, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất, tạo các mô hình tiêu biểu cho các doanh nghiệp khác tham quan học hỏi.

- Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm để giới thiệu sản phẩm, tiếp cận thị trường, quảng bá thương hiệu.

- Hỗ trợ tìm kiếm, kêu gọi các đơn vị đầu tư phát triển các cụm công nghiệp và các doanh nghiệp đầu tư thứ cấp vào cụm công nghiệp tại địa phương.

- Định kỳ, phát hành Bản tin khuyến công và xúc tiến thương mại, gửi đến các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để nắm bắt và tham khảo thông tin về công nghiệp, khuyến công, thương mại, giá cả thị trường.

- Hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội từ các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên trong hoạt động xuất khẩu hàng hóa.

- Tuyên truyền cho doanh nghiệp nắm bắt thông tin về mạng lưới tư vấn viên đã được Bộ Tài chính công bố trên website <https://business.gov.vn> nhằm hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; hỗ trợ doanh nghiệp về sở hữu công nghiệp thông qua chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của tỉnh; Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các hoạt động nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 5673/KH-UBND ngày 28/6/2021 của UBND tỉnh Hỗ trợ xây dựng, phát triển và vận hành Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, giai đoạn 2021-2025.

- Triển khai và thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 2244/KH-UBND ngày 20/02/2025 của UBND tỉnh Chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa năm 2025.

- Thúc đẩy hỗ trợ chuyển đổi số và các hỗ trợ khác cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Triển khai các chương trình xúc tiến đầu tư – thương mại quốc tế trong các lĩnh vực ưu tiên: Công nghệ cao, giáo dục đào tạo, đổi mới sáng tạo, công nghiệp phụ trợ; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận đối tác trong và ngoài nước để liên kết đổi mới công nghệ, chuyển giao kỹ thuật, hợp tác đào tạo.

d) Đối với Chỉ số 1.2.2. Tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương

- Xây dựng cơ chế tiếp xúc, trao đổi thường xuyên giữa lãnh đạo UBND tỉnh với cộng đồng doanh nghiệp, các hội, hiệp hội kinh doanh, cơ quan thông tin đại chúng để nắm bắt, chia sẻ kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh và có chỉ đạo kịp thời.

- Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh tổ chức Hội nghị đối thoại với doanh nghiệp 02 lần/năm; Tổ chức Chương trình cà phê doanh nhân với các Hội, Hiệp hội doanh nghiệp, doanh nhân, doanh nghiệp, nhà đầu tư nhằm kịp thời thông tin các chương trình, chính sách phát triển của tỉnh cho cộng đồng doanh nghiệp, nhà đầu tư; đồng thời xử lý triệt để các kiến nghị, khó khăn của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư; tiếp tục phối hợp với các sở, ban, ngành cập nhật tình hình giải quyết các khó khăn vướng mắc và kiến nghị của doanh nghiệp, tổng hợp báo cáo theo định kỳ hàng tháng để UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị kịp thời.

- Triển khai thực hiện Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và huyện, thị xã, thành phố (DDCI) tỉnh Khánh Hòa năm 2025.

- Đẩy mạnh các hoạt động ký kết hợp tác của tỉnh với nước ngoài thông qua hợp tác ký kết MOU, xúc tiến nước ngoài trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội;

- Tuyên truyền mạnh mẽ về các nội dung: Các tiện ích khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến để cung cấp thông tin đến doanh nghiệp và khuyến khích nâng cao hơn nữa lệ hồ sơ giải quyết qua hình thức trực tuyến; tuyên truyền phổ biến các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã có hiệu lực, hồ sơ doanh nghiệp tận dụng các cam kết trong các Hiệp định FTA thế hệ mới; các chương trình chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; thông tin về mạng lưới tư vấn viên đã được Bộ Tài chính công bố trên trang thông tin điện tử <https://business.gov.vn> nhằm hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; các hoạt động, hội nghị, chương trình, chính sách chính quyền tỉnh đã thực hiện, việc cải thiện trong thủ tục hành chính cũng như cải thiện các vấn đề liên quan chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của các sở, ngành, đa phương để truyền tải thông tin kịp thời đến doanh nghiệp, nhà đầu tư và người dân.

- Chấn chỉnh lề lối làm việc, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao chất lượng tham mưu chuyên môn và tổ chức các cuộc họp xử lý công việc thường xuyên của lãnh đạo UBND tỉnh theo Chỉ thị 15/CT-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa.

- Nghiêm túc thực hiện rà soát, kiến nghị xử lý những bất cập, vướng mắc trong các quy định của Trung ương và của tỉnh.

- Triển khai nghiêm túc Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 24/10/2023 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp trao đổi, cung cấp thông tin và giải quyết khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

e) Đối với Chỉ số 1.2.4. Cạnh tranh bình đẳng

- Thực hiện nhất quán nguyên tắc không phân biệt đối xử trong thụ hưởng chính sách, thực hiện bình đẳng, minh bạch quyền và nghĩa vụ của các thành phần kinh tế theo quy định pháp luật: các sở, ngành, địa phương xây dựng và công bố rộng rãi bản cam kết về không phân biệt đối xử, thực hiện bình đẳng, minh bạch trong tiếp cận tài liệu pháp lý, quy hoạch, kế hoạch, tài liệu ngân sách, danh mục dự án thu hút đầu tư, danh mục dự án đầu tư công trung hạn, quỹ đất, tín dụng, thuế, bảo hiểm, thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ sự nghiệp kinh tế (điện, nước, viễn thông, môi trường,...), dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến được tiếp nhận qua Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh Khánh Hòa, Cổng Dịch vụ công quốc gia nhóm tạo sự thuận lợi, bình đẳng trong giải quyết các thủ tục hành chính cho tất cả các thành phần kinh tế.

- Công khai, minh bạch các tài liệu về chính sách thuế trên website Cục Thuế và tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ.

- Tập trung đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, giám sát ngân hàng; phát hiện và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật các trường hợp vi phạm pháp luật về hoạt động tín dụng, ngân hàng.

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện để tránh tình trạng ưu ái, trao đặc quyền về tiếp cận đất đai, khai thác khoáng sản, giải quyết thủ tục hành chính cho các tổng công ty, tập đoàn, doanh nghiệp của Nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài gây khó khăn, bất lợi cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Thực hiện đúng quy định của Luật Đấu thầu năm 2023, bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình lựa chọn nhà thầu để ký kết và thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp. Lựa chọn nhà đầu tư để ký kết và thực hiện hợp đồng dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư, dự án đầu tư có sử dụng đất.

- Cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh.

2. Trụ cột 2_Nguồn nhân lực và nghiên cứu

2.1. Thực trạng

- Năm 2024, Khánh Hòa nằm trong top 10 địa phương dẫn đầu trụ cột về Vốn con người và Nghiên cứu phát triển (xếp hạng 10, giảm 1 bậc); đứng thứ 3 trong vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung (sau Đà Nẵng và Thừa Thiên Huế).

- Chỉ số 2.2. Nghiên cứu và phát triển (xếp hạng 5), có 02 chỉ số thành phần được đánh giá là điểm mạnh so với cả nước là: 2.2.3. Chi nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ/GRDP (%) và 2.2.4. Số tổ chức KH&CN trên 10.000 dân.

- Chỉ số 2.1.3. Chi cho giáo dục và đào tạo bình quân một người đi học trong 1 năm giảm.

- Có sự mất cân xứng: Khánh Hòa có điểm cao ở nhóm chỉ số Nghiên cứu & Phát triển cao (57,07 điểm, xếp hạng 5) tuy nhiên nhóm chỉ số Giáo dục lại có điểm thấp (28,83 điểm, xếp hạng 50). Điểm trung bình thi tốt nghiệp THPT không

cao; tỉ lệ học sinh trung học tham gia các cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật thấp (0,3 điểm, xếp hạng 40); Chi cho giáo dục và đào tạo bình quân một người đi học trong 1 năm ở mức trung bình (xếp hạng thứ 35, giảm 1,19 điểm).

2.2. Giải pháp

Nâng cao chất lượng đầu ra của giáo dục và đào tạo (Chỉ số 2.1.1. Điểm trung bình thi tốt nghiệp THPT thông qua đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc nghiên cứu cho học sinh nhất là học sinh lớp 12 làm quen với định dạng, cấu trúc đề thi theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018).

Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh nghiên cứu khoa học; phát hiện và tuyển chọn học sinh sớm; xây dựng chương trình bồi dưỡng học sinh giỏi hiệu quả; nâng cao năng lực giảng dạy của giáo viên; cải thiện cơ sở vật chất phục vụ cho việc dạy và học (Chỉ số 2.1.2. Học sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia); tăng cường đầu tư cho GD&ĐT từ ngân sách địa phương và từ xã hội (Chỉ số 2.1.3. Chi cho GD&ĐT bình quân 1 người đi học (triệu đồng)). Tích cực ứng dụng STEM trong dạy và học; tăng cường tập huấn đội ngũ giáo viên về STEAM, STEM; tăng cường tổ chức các cuộc thi để học sinh có điều kiện thể hiện sự đam mê tìm tòi, nghiên cứu về STEM, nâng cao tỷ lệ học sinh trung học tham gia nghiên cứu khoa học, kỹ thuật;

Cải thiện tỉ lệ: Nhân lực nghiên cứu và phát triển/10.000 dân (Chỉ số 2.2.1); tỷ lệ chi cho khoa học và công nghệ từ ngân sách địa phương/GRDP (%) (Chỉ số 2.2.2); chi nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ/GRDP (%) (Chỉ số 2.2.3); số tổ chức KH&CN/10.000 dân (Chỉ số 2.2.4).

3. Trụ cột 3_Cơ sở hạ tầng

3.1. Thực trạng

Năm 2024, Khánh Hòa nằm trong top 10 địa phương dẫn đầu về Cơ sở hạ tầng (xếp hạng 9, tăng 14 bậc); đứng thứ 2 trong vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung, tăng 1 bậc (sau Đà Nẵng). Chỉ Số 3.1 Hạ tầng ICT có 61,91 điểm.

3.2. Giải pháp

- Tiếp tục đẩy mạnh hạ tầng số (Chỉ số 3.1.1. Hạ tầng số); đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trong các khu công nghiệp, khu kinh tế (Chỉ số 3.2.2. Tỉ lệ đất công nghiệp đã được xây dựng kết cấu hạ tầng (%)).

- Đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng (GPMB) của các trường hợp còn lại tại Khu công nghiệp Ninh Thủy để dự án sớm hoàn thành xây dựng, đưa vào

hoạt động toàn Khu công nghiệp vào tháng 6/2025; triển khai thực hiện Dự án Khu công nghiệp Dốc Đá Trắng theo Văn bản số 10408/UBND-KT ngày 18/9/2024 của UBND tỉnh.

- Nghiên cứu, đề xuất chỉnh quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tỉnh Khánh Hòa, theo đó đề xuất phân bố lại chỉ tiêu sử dụng đất của Khu công nghiệp đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với thực tế để làm cơ sở thu hút đầu tư các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

4. Trụ cột 4_ Trình độ phát triển của thị trường

4.1. Thực trạng

- Năm 2024, Khánh Hòa nằm trong top 10 địa phương dẫn đầu trụ cột Trình độ phát triển của thị trường (xếp hạng thứ 9, tăng 8 bậc); đứng thứ 2 trong vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung, tăng 1 bậc (sau Đà Nẵng).

- Hầu hết các chỉ số của Trình độ phát triển của thị trường đều tăng điểm, trong đó có 02 chỉ số được đánh giá điểm mạnh là: 4.2.1. Số doanh nghiệp ngành dịch vụ chuyên môn, khoa học và công nghệ /1.000 doanh nghiệp đang hoạt động và Chỉ số 4.2.2. Mật độ doanh nghiệp đang hoạt động bình quân trên 1.000 dân.

4.2. Giải pháp

- Khuyến khích doanh nghiệp tham gia các hoạt động KH,CN&ĐMST thông qua các chính sách dẫn dắt; Hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ cho doanh nghiệp, cá nhân: Ít nhất 20 nhãn hiệu được cấp văn bằng; 01 sáng chế và 03 kiểu dáng công nghiệp mỗi năm.

- Khuyến khích hình thành các tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

- Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực 10 ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh để định hướng thực hiện các chương trình tín dụng phù hợp cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh cá thể,... theo đúng chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; đẩy mạnh các chương trình kết nối ngân hàng với doanh nghiệp; phối hợp UBND các cấp, các sở, ban, ngành, các quỹ, hội, đoàn thể, ngân hàng chính sách xã hội để đẩy mạnh các hoạt động liên quan tài chính vi mô.

5. Trụ cột 5_ Trình độ phát triển của doanh nghiệp

5.1. Thực trạng

- Trụ cột Trình độ phát triển của doanh nghiệp xếp hạng 45, giảm 3 bậc. Hầu hết các chỉ số tại trụ cột Trình độ phát triển của doanh nghiệp đều tăng điểm,

trong đó Chỉ số 5.1. Lao động có kiến thức xếp hạng 33, tăng 2,18 điểm; Chỉ số 5.2. Liên kết sáng tạo xếp hạng 36, tăng 6,75 điểm; Chỉ số 5.3. Hấp thu tri thức xếp hạng 40, tăng 3,33 điểm.

- Có 01 chỉ số bị đánh giá yếu trong bộ chỉ số là Chỉ số 5.2.2. Số dự án đầu tư đang sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp/1.000 doanh nghiệp ngành chế biến, chế tạo đang hoạt động (xếp hạng 57, giảm 14 bậc).

5.2. Giải pháp

- Khuyến khích doanh nghiệp chi cho đào tạo lao động (Chỉ số 5.1.1. Tỷ lệ chi đào tạo lao động trong tổng chi của doanh nghiệp);

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư, thu hút các dự án thứ cấp vào các KCN trên địa bàn tỉnh; đôn đốc các nhà đầu tư thứ cấp trong các KCN trên địa bàn tỉnh đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng, sớm đưa dự án đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh theo tiến độ thực hiện dự án (Chỉ số 5.2.2. Số dự án đầu tư đang sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp/1.000 doanh nghiệp ngành chế biến, chế tạo đang hoạt động).

- Hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp áp dụng ISO (Chỉ số 5.3.3. Số doanh nghiệp có ISO/1.000 doanh nghiệp của địa phương)

6. Trụ cột 6_Sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ

6.1. Thực trạng

- Trụ cột 6. Sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ xếp hạng tương đối thấp so với cả nước (xếp hạng 46, giảm 6 bậc). Trong đó, các chỉ số thành phần 6.1. Sáng tạo tri thức (xếp hạng 28, tăng 2); Chỉ số 6.2. Tài sản vô hình (xếp hạng 56, giảm 2 bậc); Chỉ Số 6.3. Lan tỏa tri thức (xếp hạng 41, giảm 14 bậc).

- Có 01 chỉ số được đánh giá điểm mạnh là Chỉ số 6.3.1. Số doanh nghiệp mới thành lập/10.000 dân (có giá trị 15,18 điểm, xếp hạng 8).

6.2. Giải pháp

- Khuyến khích, hỗ trợ đăng kí nhãn hiệu tập thể (Chỉ số 6.2.2. Đơn đăng kí nhãn hiệu tập thể/10.000 doanh nghiệp): Triển khai chương trình phát triển tài sản trí tuệ của tỉnh Khánh Hòa đạt mục tiêu đăng ký bảo hộ tối thiểu 2 nhãn hiệu tập thể/năm.

- Khuyến khích, phát triển doanh nghiệp KH&CN và tương đương (Chỉ số 6.3.2. Số doanh nghiệp KH&CN và doanh nghiệp đủ điều kiện là doanh nghiệp KH&CN/1.000 doanh nghiệp). Xây dựng các giải pháp, hoạt động cụ thể nhằm hướng đến mục tiêu phát triển mới tối thiểu 1 doanh nghiệp khoa học và công nghệ mỗi năm.

- Khuyến khích, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo (Chỉ số 6.3.3. Tỷ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo / tổng số doanh nghiệp mới thành lập ở địa phương (%)): Vận động hình thành được ít nhất 01 quỹ hỗ trợ khởi nghiệp ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa để hỗ trợ cho các dự án khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại địa phương. Tổ chức liên tục các khóa đào tạo về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Tổ chức ươm tạo và ươm tạo được ít nhất 02 dự án khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo mỗi năm.

7. Trụ cột 7_Tác động

7.1. Thực trạng

Năm 2024, Trụ cột 7. Tác động xếp hạng thứ 33, tăng 3 bậc. Tuy nhiên giảm 6,02 điểm so với 2023.

Chỉ số 7.1.1. Sản xuất công nghiệp (Xếp hạng 19, giảm 13 bậc) và Chỉ số 7.1.3. Giá trị xuất khẩu/GRDP (Xếp hạng 29).

7.2. Giải pháp

- Khuyến khích, hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP 4 sao trở lên (Chỉ số 7.1.2. Số lượng sản phẩm OCOP/10.000 dân);

- Cải thiện thu nhập bình quân đầu người (Chỉ số 7.2.3. Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/tháng).

- Cải thiện Chỉ số 7.1.1. Sản xuất công nghiệp.

- Duy trì Chỉ số 7.2.4. Phát triển con người trên 0,7 điểm.

V. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

Trên cơ sở thực trạng và giải pháp tại Phần IV của Kế hoạch, UBND tỉnh phân công các sở, ban, ngành, UBND các địa phương thuộc tỉnh và các đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ cụ thể như sau: *(Kèm theo Phụ lục Phân công nhiệm vụ phụ trách cải thiện, nâng cao chỉ số PII thành phần).*

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Tham mưu tổ chức các hội nghị, hội thảo, tập huấn cho các cơ quan, đơn vị có liên quan về cung cấp dữ liệu bộ Chỉ số PII Khánh Hòa.

- Làm đầu mối triển khai thực hiện xây dựng bộ Chỉ số PII Khánh Hòa; chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan thực hiện thu thập, tổng hợp dữ liệu và tài liệu minh chứng của các chỉ số PII địa phương gửi về Bộ KH&CN; báo cáo UBND tỉnh về bộ chỉ số PII tỉnh Khánh Hòa hằng năm; kịp thời rà soát, sửa đổi, bổ sung các nhiệm vụ phù hợp với thực tiễn của các cơ quan, đơn vị.

- Tham mưu việc chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị có liên quan thời gian, phương pháp thu thập báo cáo bộ Chỉ số PII Khánh Hòa.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng dự toán kinh phí triển khai xây dựng, tính toán bộ chỉ số PII tỉnh Khánh Hòa trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Chủ trì đánh giá, xây dựng nhiệm vụ cụ thể để cải thiện các chỉ số thành phần sau:

+ 1.1.1. Ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách, văn bản thúc đẩy phát triển và ứng dụng KH,CN&ĐMST phục vụ phát triển KT-XH của địa phương trong phạm vi quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ;

+ 2.2.1. Nhân lực nghiên cứu và phát triển/10.000 dân;

+ 2.2.2. Tỷ lệ chi cho khoa học và công nghệ từ ngân sách địa phương/GRDP (%);

+ 2.2.3. Chi nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ/GRDP (%);

+ 2.2.4. Số tổ chức KH&CN/10.000 dân;

+ 3.1.1. Hạ tầng số;

+ 3.1.2. Quản trị điện tử;

+ 4.2.1. Số doanh nghiệp ngành dịch vụ chuyên môn, KH&CN/1000 doanh nghiệp đang hoạt động;

+ 5.1.3. Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động R&D;

+ 5.2.1. Hợp tác nghiên cứu giữa tổ chức KH&CN và doanh nghiệp;

+ 5.3.2. Doanh nghiệp có hoạt động ĐMST/tổng doanh nghiệp;

+ 5.3.3. Số doanh nghiệp có ISO/1.000 doanh nghiệp của địa phương;

+ 6.1.1. Đơn đăng ký sáng chế và giải pháp hữu ích/10.000 dân;

+ 6.2.1. Đơn đăng kí nhãn hiệu/1.000 doanh nghiệp;

+ 6.2.2. Đơn đăng kí nhãn hiệu tập thể/1.000 doanh nghiệp;

+ 6.2.3. Đơn đăng kí kiểu dáng công nghiệp/10.000 dân;

+ 6.2.4. Số đơn đăng ký và chỉ dẫn địa lí đã được cấp giấy chứng nhận bảo hộ/10.000 dân;

+ 6.3.2. Số doanh nghiệp KH&CN và doanh nghiệp đủ điều kiện là doanh nghiệp KH&CN/1000 doanh nghiệp;

+ 6.3.3. Tỷ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong tổng số doanh nghiệp mới thành lập (%).

- Thực hiện các nhiệm vụ khác quy định tại các phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổng hợp báo cáo tổng kết việc thực hiện Kế hoạch.

2. Sở Tư pháp, Công an tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh

Giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh tham mưu xây dựng các chính sách thuộc phạm vi quản lý liên quan đến thể chế để cải thiện Chỉ số 1.1.2. Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp các sở, ngành đơn vị liên quan để tham mưu và triển khai các giải pháp để cải thiện các chỉ số thành phần sau:

- 1.1.3. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp;
- 1.2.1. Chi phí gia nhập thị trường;
- 1.2.4. Cạnh tranh bình đẳng;
- 4.2.2. Mật độ doanh nghiệp /1000 dân;
- 5.3.1. Đầu tư trực tiếp của nước ngoài/GRDP;
- 6.3.1. Số doanh nghiệp mới thành lập/10.000 dân.

- Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp thông tin, thực hiện giải pháp cải thiện Chỉ số 2.1.3. Chi cho GD&ĐT bình quân 1 người đi học (cải thiện phần chi từ NSDP) và Chỉ số 2.2.2. Chi cho KH&CN từ NSDP/GRDP;

- Trên cơ sở dự toán của Sở Khoa học và Công nghệ lập cùng thời điểm xây dựng dự toán hàng năm, Sở Tài chính tổng hợp, cân đối theo khả năng ngân sách, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện theo đúng quy định;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác quy định tại Phụ lục kèm theo kế hoạch này.

4. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp các các sở, ngành đơn vị liên quan để tham mưu và triển khai các giải pháp để cải thiện, nâng cao chỉ số thành phần:

- 1.2.3. Cải cách hành chính.

5. Sở Công thương

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành đơn vị liên quan để tham mưu và triển khai các giải pháp để cải thiện các chỉ số thành phần sau:

- 5.2.3. Số dự án đầu tư trong các cụm công nghiệp/1.000 doanh nghiệp ngành chế biến, chế tạo đang hoạt động;

- 7.1.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, tham mưu và triển khai các giải pháp để cải thiện các chỉ số thành phần sau:

- 2.1.1. Điểm trung bình thi tốt nghiệp THPT;

- 2.1.2. Học sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia;

- 2.1.3. Chi cho GD&ĐT bình quân 1 người đi học (triệu đồng).

- 5.1.1. Chi phí đào tạo lao động, % tổng chi của doanh nghiệp;

- 5.1.2. Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo (%)

- 7.2.2. Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc so với tổng dân số địa phương (%).

8. Sở Xây dựng

Chủ trì, phối hợp sở, ngành liên quan tham mưu và triển khai các giải pháp để cải thiện Chỉ Số 3.2.1. Cơ sở hạ tầng.

9. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì, tham mưu và triển khai các giải pháp thuộc phạm vi quản lý để cải thiện các chỉ số thành phần:

- 3.2.3. Quản trị môi trường.

- 7.1.2. Số lượng sản phẩm OCOP/tổng số đơn vị hành chính cấp xã.

- 7.2.1. Tốc độ giảm nghèo.

10. Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong

Chủ trì, tham mưu và triển khai các giải pháp thuộc phạm vi quản lý để cải thiện các chỉ số thành phần:

- 3.2.2. Tỷ lệ diện tích đất công nghiệp đã được xây dựng kết cấu hạ tầng của các khu công nghiệp trên tổng diện tích đất công nghiệp theo quy hoạch của các khu công nghiệp (%);

- 5.2.2. Số dự án đầu tư đang sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp/1.000 doanh nghiệp ngành chế biến, chế tạo đang hoạt động.

11. Ngân hàng Chính sách xã hội

Phối hợp triển khai các giải pháp thuộc phạm vi quản lý để cải thiện chỉ số thành phần: 4.1.2. Vay tài chính vi mô/GRDP.

12. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Khu vực 10

Chủ trì, tham mưu và triển khai các giải pháp thuộc phạm vi quản lý để cải thiện chỉ số thành phần: 4.1.1. Tín dụng cho khu vực tư nhân/GRDP.

13. Chi cục thống kê tỉnh Khánh Hòa

Cục Thống kê phối hợp theo dõi, cung cấp số liệu chỉ số thành phần:

- 7.1.3. Giá trị xuất khẩu/GRDP;
- 7.2.3. Thu nhập bình quân đầu người.

Cung cấp các số liệu và tài liệu minh chứng khác phục vụ tính toán bộ chỉ số ĐMST theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi thường xuyên của Sở Khoa học và Công nghệ để thực hiện Kế hoạch.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, đơn vị

- Giám đốc các sở, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành của tỉnh và Chủ tịch UBND các địa phương thuộc tỉnh căn cứ nội dung Kế hoạch để chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ nâng cao các chỉ số thành phần theo nhiệm vụ được phân công; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch.

- Căn cứ theo hướng dẫn của Bộ KH&CN và đề nghị của Sở KH&CN, các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương và các đơn vị liên quan căn cứ theo chức năng nhiệm vụ được giao thực hiện rà soát, tổng hợp dữ liệu và các tài liệu minh chứng gửi về Sở KH&CN để tổng hợp báo cáo Bộ KH&CN.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị điều chỉnh Kế hoạch cải thiện, nâng cao Chỉ số PII Khánh Hòa, báo cáo UBND tỉnh trước ngày 10/7/2025.

- Tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch; định kỳ báo cáo UBND tỉnh hoặc đột xuất khi có yêu cầu; đồng thời, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo khắc phục các hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện nếu có phát sinh theo quy định; kịp thời báo cáo, tham mưu, đề xuất những nội dung thuộc thẩm quyền UBND tỉnh.

- Chủ trì, tổng hợp dữ liệu và tài liệu minh chứng báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ, đồng thời báo cáo UBND tỉnh theo thời gian quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương kịp thời gửi văn bản về Sở Khoa học và Công nghệ để phối hợp triển khai, báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo giải quyết, xử lý./.

(Kế hoạch này thay cho Kế hoạch số 9010/KH-UBND ngày 14/8/2024 của UBND tỉnh)

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Công an tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các địa phương thuộc tỉnh;
- Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong;
- Cục Thống kê tỉnh;
- Chi cục Hải Quan khu vực XIII;
- Chi cục Thuế khu vực XIII;
- Chi cục Quản lý thị trường tỉnh;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khu vực 10;
- Lưu: VT, NcT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đình Văn Thiệu

PHỤ LỤC

Phân công nhiệm vụ cải thiện, nâng cao chỉ số PII thành phần

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 429 /KH-UBND ngày 13 / 6 /2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

Stt	Chỉ số	Giá trị / Điểm số		Cả nước (2024)		Hiện trạng/Giải pháp	Cơ quan phụ trách chính	Cơ quan phối hợp/ghi chú
		2023	2024	Cao nhất	Thấp nhất			
1.	Thể chế	46,54	40,78 (-5,76)	77,59	28,30	- Xếp hạng 58, giảm 20 bậc. - Cần cải thiện mạnh.		
1.1.	Môi trường chính sách	40,40	28,21 (-12,19)	83,49	20,27	- Xếp hạng 60, giảm 14 bậc. - Cần cải thiện mạnh.		
1.1.1.	Chính sách khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương	18,25	27,33 (9,08)	52,51	25,16	- Xếp hạng 60 (không thay đổi) - Cần cải thiện mạnh.	Các sở, ban, ngành, (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
1.1.2.	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	7,63	6,69 (-0,94)	8,31	6,34	- Xếp hạng 58, giảm 31 bậc. - Cần cải thiện mạnh.	Sở Tư pháp (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	Công an tỉnh; Toà án nhân dân tỉnh
1.1.3.	Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	6,01	6,49 (0,48)	7,81	4,56	- Xếp hạng 31, giảm 14 bậc. - Cần cải thiện mạnh.	Sở Tài chính (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
1.2.	Môi trường kinh doanh	52,69	53,35 (0,66)	82,61	28,75	- Xếp hạng 32, giảm 7 bậc. - Cần cải thiện mạnh.		
1.2.1.	Chi phí gia nhập thị trường	7,21	7,32 (0,11)	6,57	8,2	- Xếp hạng 33, giảm 18 bậc - Cần cải thiện mạnh.	Sở Tài chính (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	Chi cục Thuế khu vực XIII

Stt	Chỉ số	Giá trị / Điểm số		Cả nước (2024)		Hiện trạng/Giải pháp	Cơ quan phụ trách chính	Cơ quan phối hợp/ghi chú
		2023	2024	Cao nhất	Thấp nhất			
1.2.2.	Tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương	6,59	6,65 (0,06)	5,53	7,38	- Xếp hạng 37, tăng 3 bậc - Tiếp tục cải thiện.	UBND tỉnh; các sở, ban, ngành, (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
1.2.3.	Cải cách hành chính	86,19	88,6 (2,41)	92,18	81,32	- Xếp hạng 14, tăng 7 bậc - Tiếp tục nâng cao.	Sở Nội vụ (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
1.2.4.	Cạnh tranh bình đẳng	5,77	5,28 (-0,49)	6,95	4,17	- Xếp hạng 47, giảm 6 bậc - Cần cải thiện mạnh.	Sở Tài chính (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	Các sở, ban, ngành khác
2.	Vốn con người và nghiên cứu & phát triển	42,59	42,95 (0,36)	15,45	62,64	- Xếp hạng 10, giảm 1 bậc. - Cần cải thiện.		
2.1	Giáo dục	27,38	28,83 (1,45)	11,88	83,7	- Xếp hạng 50, tăng 3 bậc - Cần cải thiện mạnh.		
2.1.1.	Điểm trung bình các môn thi tốt nghiệp THPT	6,34	6,51 (0,17)	5,83	7,46	- Xếp hạng 44, tăng 3 bậc. - Cần cải thiện mạnh.	Sở Giáo dục và Đào tạo (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
2.1.2.	Học sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia	-	-	-	-	- Chỉ số mới ban hành tại Quyết định số 989/QĐ-BKHHCN ngày 27/5/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về phê duyệt Khung Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương năm 2025.	Sở Giáo dục và Đào tạo (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
2.1.3.	Chi cho giáo dục và đào tạo trung bình một người đi học	17,20	16,01 (-1,19)	11,98	23,08	- Xếp hạng 35, tăng 6 bậc. - Cần cải thiện mạnh.	Sở Giáo dục và Đào tạo (cụ thể hóa bằng	Sở Tài chính

Stt	Chỉ số	Giá trị / Điểm số		Cả nước (2024)		Hiện trạng/Giải pháp	Cơ quan phụ trách chính	Cơ quan phối hợp/ghi chú
		2023	2024	Cao nhất	Thấp nhất			
							kế hoạch)	
2.2.	Nghiên cứu và phát triển	57,80	57,07 (-0,73)	6,98	77,27	- Xếp hạng 5 (không thay đổi) - Tiếp tục duy trì, nâng cao.		
2.2.1.	Nhân lực nghiên cứu và phát triển/10.000 dân	15,63	15,63 (0)	1,22	64,47	- Xếp hạng 11 (không thay đổi) - Tiếp tục duy trì, nâng cao.	Sở Khoa học và Công nghệ (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
2.2.2.	Tỉ lệ chi cho khoa học và công nghệ từ ngân sách địa phương/GRDP (%)	0,03	0,05 (0,02)	0,00	0,41	- Xếp hạng 20, tăng 22 bậc. - Tiếp tục nâng cao.	Sở Khoa học và Công nghệ (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	Sở Tài chính
2.2.3.	Chi nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ/GRDP (%)	0,30	0,30	0,00	0,47	- Xếp hạng 1, tăng 1 bậc. - Tiếp tục duy trì, nâng cao.	Sở Khoa học và Công nghệ (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	Chi cục Thống kê tỉnh Khánh hòa phối hợp cung cấp thông tin
2.2.4.	Số tổ chức KH&CN/10.000 dân	0,47	0,48 (0,01)	0,03	3,03	- Xếp hạng 4 (không thay đổi) - Tiếp tục duy trì, nâng cao.	Sở Khoa học và Công nghệ (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
3	Cơ sở hạ tầng	53,62	62,50 (8,88)	25,35	84,54	- Xếp hạng 8, tăng 15 bậc. - Tiếp tục cải thiện.		
3.1.	Hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông ICT	71,9	61,91 (-10,8)	21,62	87,84	- Xếp hạng 19, giảm 8 bậc. - Cần cải thiện.		
3.1.1.	Hạ tầng số	0,62	0,62	0,32	0,83	- Xếp hạng 35 (Không thay	Sở Khoa học và	

Stt	Chỉ số	Giá trị / Điểm số		Cả nước (2024)		Hiện trạng/Giải pháp	Cơ quan phụ trách chính	Cơ quan phối hợp/ghi chú
		2023	2024	Cao nhất	Thấp nhất			
			(0)			đổi) - Cần cải thiện mạnh.	Công nghệ (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
3.1.2.	Quản trị điện tử	3,48	3,48 (0)	2,56	3,97	- Xếp hạng 12, giảm 6 bậc - Cần cải thiện.	Sở Khoa học và Công nghệ (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
3.2.	Cơ sở hạ tầng chung và môi trường sinh thái	35,33	63,09 (27,76)	25,04	88,50	- Xếp hạng 7, tăng 36 bậc. - Tiếp tục duy trì, nâng cao.		
3.2.1.	Cơ sở hạ tầng cơ bản	50,52	57,15 (6,63)	41,30	77,59	- Xếp hạng 31, giảm 7 bậc. - Cần cải thiện mạnh.	Sở Xây dựng (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	Sở Xây dựng; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; Sở Công thương (EVN)
3.2.2.	Tỉ lệ diện tích đất công nghiệp đã được xây dựng kết cấu hạ tầng của các khu công nghiệp trên tổng diện tích đất công nghiệp theo quy hoạch của các khu công nghiệp (%)	39,11	84,10 (44,99)	0,00	100,00	- Xếp hạng 11, tăng 35 bậc. - Tiếp tục duy trì, nâng cao.	Sở Tài chính (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	BQL khu kinh tế Vân Phong
3.2.3.	Quản trị môi trường	3,43	3,74 (0,31)	2,87	4,29	- Xếp hạng 19, tăng 10 bậc. - Tiếp tục cải thiện.	Sở Nông nghiệp và Môi trường (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
4.	Trình độ phát triển của thị	42,01	54,28	7,10	80,15	- Xếp hạng 9, tăng 8 bậc.		

Stt	Chỉ số	Giá trị / Điểm số		Cả nước (2024)		Hiện trạng/Giải pháp	Cơ quan phụ trách chính	Cơ quan phối hợp/ghi chú
		2023	2024	Cao nhất	Thấp nhất			
	trường		(12,27)			- Tiếp tục cải thiện.		
4.1	Tài chính và đầu tư	43,94	50,14 (6,2)	2,45	83,68	- Xếp hạng 16, tăng 7 bậc. - Tiếp tục cải thiện.		
4.1.1.	Tín dụng cho khu vực tư nhân/1.000 lao động	167,53	184,68 (17,15)	55,09	849,67	- Xếp hạng 13, giảm 1 bậc. - Cần cải thiện.	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 10	Các ngân hàng thương mại
4.1.2.	Tài chính vi mô/GRDP	0,02	0,02 (0)	0,00	0,09	- Xếp hạng 21 (không thay đổi) - Cần cải thiện.	UBND các cấp, các quỹ tín dụng, hội, đoàn thể.	Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh
4.1.3.	Vốn sản xuất kinh doanh bình quân hàng năm của các doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh (tỷ đồng)	33,70	41,49 (7,79)	17,14	112,26	- Xếp hạng 28, tăng 8 bậc. - Tiếp tục cải thiện.	-	<i>Chỉ số khảo sát độc lập liên quan đến vốn của doanh nghiệp</i>
4.1.4.	Giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn của các doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh (tỷ đồng)	19,54	23,25 (3,71)	5,24	50,41	- Xếp hạng 19, tăng 4 bậc. - Tiếp tục cải thiện.	-	<i>Chỉ số khảo sát độc lập liên quan đến tài sản của doanh nghiệp</i>
4.2.	Quy mô thị trường	40,08	58,42 (18,34)	9,53	91,09	- Xếp hạng 9, tăng 4 bậc - Tiếp tục cải thiện.		
4.2.1.	Số doanh nghiệp ngành dịch vụ chuyên môn, khoa học và	65,15	300,95	104,67	300,95	- Xếp hạng 1, tăng 30 bậc	Sở Khoa học và Công nghệ (cụ thể	

Stt	Chỉ số	Giá trị / Điểm số		Cả nước (2024)		Hiện trạng/Giải pháp	Cơ quan phụ trách chính	Cơ quan phối hợp/ghi chú
		2023	2024	Cao nhất	Thấp nhất			
	công nghệ /1.000 doanh nghiệp đang hoạt động		(235,8)			- Tiếp tục duy trì và nâng cao	hóa bằng kế hoạch)	
4.2.2.	Mật độ doanh nghiệp đang hoạt động bình quân trên 1.000 dân	8,90	9,01 (0,11)	1,6	28,9	- Xếp hạng 8 (không thay đổi) - Tiếp tục cải thiện.	Sở Tài chính (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
4.2.3.	Đóng góp trong GDP cả nước (%)	1,04	1,08 (0,04)	0,16	15,52	- Xếp hạng 26, tăng 3 bậc. - Tiếp tục cải thiện.	Các sở, ngành (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	Chi cục Thống kê tỉnh Khánh hòa cung cấp số liệu (GRDP)
5.	Trình độ phát triển của doanh nghiệp	16,29	20,38 (4,09)	9,06	51,97	- Xếp hạng 45, giảm 3 bậc - Cần cải thiện mạnh.		
5.1	Lao động có tri thức	22,53	24,71 (2,18)	8,91	80,29	- Xếp hạng 33, tăng 8 bậc. - Cần cải thiện mạnh.		
5.1.1.	Tỷ lệ chi đào tạo lao động / tổng chi của doanh nghiệp (%)	4,54	5,23 (0,69)	2,46	12,34	- Xếp hạng 42, tăng 15 bậc. - Cần cải thiện mạnh.	Sở Giáo dục và đào tạo (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
5.1.2.	Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo (%)	25,30	25,30 (0)	12,20	50,80	- Xếp hạng 28, giảm 3 bậc - Cần cải thiện.	Sở Giáo dục và đào tạo (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
5.1.3.	Tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu và phát triển (%)	0,05	0,52 (0,47)	0,0	29,3	- Xếp hạng 29, tăng 1 bậc. - Tiếp tục cải thiện.	Sở Khoa học và Công nghệ (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	

Stt	Chỉ số	Giá trị / Điểm số		Cả nước (2024)		Hiện trạng/Giải pháp	Cơ quan phụ trách chính	Cơ quan phối hợp/ghi chú
		2023	2024	Cao nhất	Thấp nhất			
5.2	Liên kết sáng tạo	14,40	21,15 (6,75)	0,0	68,94	- Xếp hạng 36, giảm 6 bậc. - Cần cải thiện mạnh.		
5.2.1.	Hợp tác nghiên cứu giữa tổ chức KH&CN và doanh nghiệp (%)	12,52	29,72 (17,2)	0	64,99	- Xếp hạng 18, tăng 2 bậc. - Tiếp tục cải thiện.	Sở Khoa học và Công nghệ (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
5.2.2.	Số dự án đầu tư đang sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp/1.000 doanh nghiệp ngành chế biến, chế tạo đang hoạt động	14,20	56,26 (42,06)	0	1255,81	- Xếp hạng 57, giảm 14 bậc. - Cần cải thiện mạnh.	BQL Khu Kinh tế Vân Phong (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
5.2.3.	Số dự án đầu tư trong các cụm công nghiệp/1.000 doanh nghiệp ngành chế biến, chế tạo đang hoạt động	7,14	77,59 (70,45)	0	5359,15	- Xếp hạng 32, tăng 1 bậc - Cần cải thiện mạnh.	Sở Công thương (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
5.3	Hấp thu tri thức	11,94	15,27 (3,33)	0,5	78,54	- Xếp hạng 40, tăng 9 bậc. - Tiếp tục cải thiện.		
5.3.1.	Đầu tư trực tiếp của nước ngoài/GRDP (%)	0,00	0,01 (0,01)	0,0	0,29	- Xếp hạng 42, giảm 3 bậc. - Cần cải thiện mạnh.	Sở Tài chính (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
5.3.2.	Tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động ĐMST (%)	0,80	0,8 (0)	0,1	25,6	- Xếp hạng 26, tăng 2 bậc. - Tiếp tục cải thiện.	Sở Khoa học và Công nghệ (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
5.3.3.	Số doanh nghiệp có ISO/1.000 doanh nghiệp của	6,43	17,38	7,51	50,77	- Xếp hạng 36, tăng 21 bậc.	Sở Khoa học và Công nghệ (cụ thể	

Stt	Chỉ số	Giá trị / Điểm số		Cả nước (2024)		Hiện trạng/Giải pháp	Cơ quan phụ trách chính	Cơ quan phối hợp/ghi chú
		2023	2024	Cao nhất	Thấp nhất			
	địa phương		(10,95)			- Tiếp tục cải thiện.	hóa bằng kế hoạch)	
6.	Sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ	20,16	18,34 (-1,82)	3,33	65,40	- Xếp hạng 46, giảm 6 bậc. - Cần cải thiện mạnh.		
6.1	Sáng tạo tri thức	21,55	21,15 (-0,4)	0,0	100	- Xếp hạng 28, tăng 2 bậc. - Tiếp tục cải thiện.		
6.1.1.	Đơn đăng kí bảo hộ sáng chế và giải pháp hữu ích/10.000 dân	0,18	0,24 (0,06)	0,0	2,57	- Xếp hạng 10, tăng 1 bậc - Tiếp tục cải thiện.	Sở Khoa học và Công nghệ (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
6.1.2.	Đơn đăng kí giống cây trồng/10.000 dân	0,00	0,0 (0)	0,0	0,76	- Xếp hạng 52, giảm 2 bậc - Cần cải thiện mạnh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
6.2.	Tài sản vô hình	12,97	13,96 (0,99)	6,08	69,16	- Xếp hạng 56, giảm 2 bậc - Cần cải thiện mạnh.		
6.2.1.	Đơn đăng kí nhãn hiệu/1.000 doanh nghiệp	91,46	92,15 (0,69)	37,15	279,44	- Xếp hạng 44, giảm 3 bậc. - Cần cải thiện mạnh.	Sở Khoa học và Công nghệ (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
6.2.2.	Đơn đăng kí nhãn hiệu tập thể/1.000 doanh nghiệp	0,10	0,10 (0)	0,05	1,28	- Xếp hạng 55, giảm 1 bậc. - Cần cải thiện mạnh.	Sở Khoa học và Công nghệ (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
6.2.3.	Đơn đăng kí kiểu dáng công nghiệp/10.000 dân	0,19	0,24 (0,05)	0,0	2,11	- Xếp hạng 18, tăng 6 bậc. - Tiếp tục cải thiện.	Sở Khoa học và Công nghệ (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	

Stt	Chỉ số	Giá trị / Điểm số		Cả nước (2024)		Hiện trạng/Giải pháp	Cơ quan phụ trách chính	Cơ quan phối hợp/ghi chú
		2023	2024	Cao nhất	Thấp nhất			
6.2.4.	Số đơn đăng ký và chỉ dẫn địa lí đã được cấp giấy chứng nhận bảo hộ/10.000 dân	0,01	0,01 (0)	0,0	0,06	- Xếp hạng 44, giảm 4 bậc. - Cần cải thiện mạnh.	Sở Khoa học và Công nghệ (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
6.3.	Lan tỏa tri thức	25,97	19,9 (-6,07)	0,01	59,39	- Xếp hạng 41, giảm 14 bậc. - Cần cải thiện mạnh.		
6.3.1.	Số doanh nghiệp mới thành lập/10.000 dân	15,81	15,18 (-0,63)	2,11	56,36	- Xếp hạng 8, giảm 1 bậc. - Cần cải thiện.	Sở Tài chính (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
6.3.2.	Số doanh nghiệp KH&CN và doanh nghiệp đủ điều kiện là doanh nghiệp KH&CN/1.000 doanh nghiệp	0,98	0,96 (-0,02)	0,0	17,21	- Xếp hạng 51, giảm 8 bậc. - Cần cải thiện mạnh.	Sở Khoa học và Công nghệ (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
6.3.3.	Tỉ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo/tổng số doanh nghiệp mới thành lập ở địa phương (%)	0,00	0,0 (0)	0,0	28,0	- Xếp hạng 56, giảm 21 bậc. - Cần cải thiện mạnh.	Sở Khoa học và Công nghệ (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
7.	Tác động	46,53	40,51 (-6,02)	14,13	59,42	- Xếp hạng 33, tăng 3 bậc. - Tiếp tục cải thiện.		
7.1	Tác động đến sản xuất - kinh doanh	45,14	36,76 (-8,38)	5,72	73,95	- Xếp hạng 33, giảm 3 bậc. - Cần cải thiện mạnh.		
7.1.1.	Chỉ số sản xuất công nghiệp	122,00	110,63 (-11,37)	97,57	121,70	- Xếp hạng 19, giảm 13 bậc - Cần cải thiện.	Sở Công thương (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	

Stt	Chỉ số	Giá trị / Điểm số		Cả nước (2024)		Hiện trạng/Giải pháp	Cơ quan phụ trách chính	Cơ quan phối hợp/ghi chú
		2023	2024	Cao nhất	Thấp nhất			
7.1.2.	Số lượng sản phẩm OCOP/10.000 dân	0,10	0,13 (0,03)	0,03	1,30	- Xếp hạng 42, tăng 12 bậc - Cần cải thiện mạnh.	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
7.1.3.	Giá trị xuất khẩu/GRDP	0,47	0,40 (-0,07)	0,01	4,41	- Xếp hạng 29, không thay đổi. - Cần cải thiện.	Chi cục Thống kê tỉnh Khánh hòa cung cấp số liệu (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	Chi cục Hải Quan khu vực XIII
7.1.4.	Tốc độ tăng năng suất lao động	0,12	10,98 (10,86)	-15,70	20,56	- Xếp hạng 26, giảm 4 bậc. - Cần cải thiện.	Sở Giáo dục và đào tạo (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
7.2	Tác động đến kinh tế - xã hội	47,91	44,27 (-3,64)	22,54	76,98	- Xếp hạng 21, tăng 20 bậc. - Tiếp tục cải thiện.		
7.2.1.	Tốc độ giảm nghèo	-3,60	2,29 (5,89)	0,05	100	- Xếp hạng 24, tăng 35 bậc. - Tiếp tục cải thiện.	Sở Nông nghiệp và Môi trường (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
7.2.2.	Tỉ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc so với tổng dân số địa phương (%)	0,52	0,53 (0,01)	0,38	0,65	- Xếp hạng 22, tăng 6 bậc - Tiếp tục cải thiện.	Sở Giáo dục và đào tạo (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
7.2.3.	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người/tháng)	3,73	4,03 (0,3)	2,18	8,30	- Xếp hạng 36, tăng 1 bậc. - Tiếp tục cải thiện.	Các sở, ngành (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	Chi cục Thống kê tỉnh Khánh hòa kê phối hợp cung cấp

Stt	Chỉ số	Giá trị / Điểm số		Cả nước (2024)		Hiện trạng/Giải pháp	Cơ quan phụ trách chính	Cơ quan phối hợp/ghi chú
		2023	2024	Cao nhất	Thấp nhất			
								số liệu
7.2.4.	Chỉ số phát triển con người	0,74	0,74 (0)	0,60	0,82	- Xếp hạng 19, không thay đổi. - Cần cải thiện.	Sở Giáo dục và Đào tạo (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	Sở Y tế; Chi cục Thống kê tỉnh Khánh hòa phối hợp cung cấp số liệu

